

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NN

*Hải Hậu, ngày tháng 02 năm 2025*

V/v tiếp tục tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chống khai thác IUU và chuẩn bị làm việc với Đoàn Thanh tra của EC lần thứ 5

Kính gửi:

- UBND các xã, thị trấn;
- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan.

Thực hiện Công văn số 167/UBND-VP3 ngày 17/02/2025 của UBND tỉnh về việc tiếp tục tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chống khai thác IUU và chuẩn bị làm việc với Đoàn Thanh tra của EC lần thứ 5; Công văn số 535/SNN-CCTS ngày 19/02/2025 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc triển khai chỉ đạo của UBND tỉnh, chuẩn bị làm việc với Đoàn Thanh tra của EC lần thứ 5 (dự kiến trong tháng 3/2025).

UBND huyện yêu cầu UBND các xã, thị trấn, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm Chương trình hành động số 45-CTr/HU ngày 25/6/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 10/4/2024 của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định và phát triển bền vững ngành thủy sản”, Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 22/7/2024 của UBND huyện về việc thực hiện Chương trình hành động số 45-CTr/HU ngày 25/6/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy, đồng thời tập trung triển khai thực hiện tốt một số nội dung sau:

**1. UBND các xã, thị trấn:**

- Tập trung hướng dẫn, tuyên truyền và yêu cầu các chủ tàu cá, thuyền trưởng không được đưa tàu cá đi hoạt động khai thác khi chưa có đầy đủ thủ tục giấy tờ theo quy định; nắm chắc địa bàn, kịp thời phát hiện từ sớm từ xa, ngăn chặn ngay từ trong bờ tàu cá, ngư dân khai thác trái phép ở vùng biển nước ngoài.

- Chủ trì rà soát, xác minh thông tin, tham mưu xử lý dứt điểm, kết thúc vụ việc các hành vi vi phạm khai thác IUU, nhất là hành vi vi phạm vượt ranh giới trên biển, ngắt kết nối thiết bị GSHT khi hoạt động trên biển từ năm 2024 đến nay; đảm bảo thiết lập 100% biên bản làm việc với các chủ tàu, thuyền trưởng về tình trạng mất kết nối, đặc biệt đối với những tàu có chiều dài từ 24 m trở lên; rà soát, cập nhật kết quả xác minh, xử lý các trường hợp tàu cá mất kết nối thiết bị GSHT trên 06 giờ trên biển gửi về UBND huyện **trước ngày 08/3/2025**.

- Rà soát và nắm rõ, chính xác vị trí neo đậu của từng tàu cá “3 không” phát sinh, tàu cá chưa làm thủ tục cấp giấy phép khai thác, không có giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm, chưa lắp thiết bị giám sát hành trình, mất kết nối dài ngày trên 3 tháng, cập nhật báo cáo về UBND huyện **trước ngày 08/3/2024** (phụ lục I, II kèm theo). Đặc biệt đối với những tàu cá có trong danh sách tàu “3 không”

mới đăng ký, yêu cầu khẩn trương liên hệ Trạm thủy sản liên vùng để được hướng dẫn làm thủ tục cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm và cấp giấy phép khai thác thủy sản.

- Rà soát, thống kê, lập danh sách số lượng tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 6m, phương tiện khai thác ven bờ khác (*theo mẫu Phụ lục III kèm theo*) gửi về UBND huyện **trước ngày 28/02/2025** để tổng hợp, báo cáo phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong mùa mưa bão.

- Phối hợp với các lực lượng chức năng và các Đoàn Biên phòng giám sát chặt chẽ các cảng cá tư nhân, bến cá, xử lý nghiêm chủ các bến cá tự phát tự ý cho tàu vào bốc dỡ không hợp tác với các cơ quan chức năng trong việc thực hiện các quy định về chống khai thác IUU.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, xử lý trách nhiệm của cán bộ, công chức không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao, tiếp tay, dung túng cho hành vi vi phạm khai thác IUU.

- Chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác chống khai thác IUU, hồ sơ xác minh, xử lý phục vụ các Đoàn kiểm tra khi có yêu cầu.

## 2. Phòng Nông nghiệp và PTNT:

- Phối hợp với các Đoàn Biên phòng và các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm soát chặt chẽ tàu cá ra vào cảng; theo dõi, giám sát chặt chẽ các cảng cá, bến cá đảm bảo thực hiện đầy đủ, đúng quy định chống khai thác IUU.

- Phối hợp với UBND các xã, thị trấn kiểm tra, xử lý dứt điểm tàu cá “03 không” phát sinh.

- Tăng cường công tác kiểm kê, lập danh sách tàu cá không đủ điều kiện hoạt động như: chưa lắp đặt giám sát hành trình, chưa đăng ký, đăng kiểm, chưa cấp giấy phép khai thác thủy sản, giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm; gửi UBND các xã, thị trấn và các Đoàn Biên phòng để nắm bắt, theo dõi và quản lý.

- Theo dõi, giám sát 24/24 giờ hoạt động của tàu cá thông qua Hệ thống giám sát tàu cá, thông báo cho các xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị liên quan xác minh tàu cá mất kết nối thiết bị GSHT; tham mưu, phối hợp xử lý, xử phạt theo đúng quy định đối với việc duy trì hoạt động của thiết bị GSHT, vi phạm ngắt kết nối GSHT (trên 06 giờ không báo cáo vị trí, mất kết nối thiết bị GSHT quá 10 ngày không đưa tàu cá quay về bờ), nhất là đối với các trường hợp tàu cá có chiều dài từ 24 m trở lên.

- Phối hợp các Đoàn Biên phòng, UBND các xã, thị trấn rà soát, xử lý các hành vi vi phạm ngắt kết nối từ năm 2024 đến nay. Tổ chức kiểm tra, giám sát, xử lý trách nhiệm của cán bộ, công chức không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ trong công tác chống khai thác IUU.

- Chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác chống khai thác IUU, hồ sơ xử lý xử phạt phục vụ các Đoàn kiểm tra khi có yêu cầu.

### 3. Đoàn Biên phòng Văn lý, Đoàn Biên phòng cửa khẩu cảng Hải Thịnh:

- Tiếp tục thực hiện đợt cao điểm tuần tra, kiểm soát chặt chẽ tại các cửa sông, ven biển, cảng cá tư nhân, bến cá, khu neo đậu của huyện; kiên quyết không cho tàu cá còn thiếu các thủ tục về đăng ký, đăng kiểm, giấy phép Khai thác thủy sản và các thủ tục có liên quan theo quy định xuất bến, ra khơi hoạt động khai thác thủy sản, đặc biệt là các tàu cá có trong danh sách phụ lục I, và phụ lục II kèm theo.

- Kiểm soát chặt chẽ tàu cá xuất, nhập bến; phối hợp với các Cảng cá, Văn phòng đại diện thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nghề cá quản lý không để tình trạng tàu cá không khai báo tại Tổ chức quản lý cảng cá và Văn phòng đại diện thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nghề cá vẫn đi hoạt động khai thác thủy sản, chia sẻ dữ liệu tàu cá xuất nhập bến, ra vào cảng đảm bảo đối khớp số liệu; kỷ luật nghiêm các tổ chức, cá nhân bao che, tiếp tay cho hành vi khai thác IUU.

- Xác minh xử lý tàu cá mất kết nối thiết bị GSHT; khẩn trương xử lý, xử phạt nghiêm những trường hợp tàu cá không duy trì thiết bị GSHT khi hoạt động trên biển, tàu cá tắt thiết bị GSHT lên lút trốn đi hoạt động và tàu cá không có Giấy phép khai thác thủy sản vẫn đi hoạt động trên biển; xử lý 100% các trường hợp vi phạm quy định vận hành hệ thống GSHT tàu cá.

- Phối hợp với UBND các xã, thị trấn tuyên truyền, vận động, nắm rõ vị trí neo đậu từng tàu không đủ điều kiện đi hoạt động, đảm bảo trên các tàu này không có ngư lưới cụ, các trang thiết bị khai thác và chắc chắn tàu không đi hoạt động. Kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của tàu cá tại các địa phương, nhất là tại các địa bàn trọng điểm để phát hiện từ sớm, từ xa, ngăn chặn ngay từ trong bờ các tàu cá, ngư dân có ý định đi khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài.

- Tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý nghiêm các vụ việc vi phạm khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài, các hành vi vi phạm ngất, gửi thiết bị GSHT trái quy định của pháp luật.

4. Phòng Văn hóa và Thông tin: Tiếp tục hướng dẫn đăng ký sử dụng tần số thiết bị GSHT cho ngư dân; phối hợp liên hệ với các đơn vị cung ứng thiết bị, dịch vụ mạng liên quan đến thiết bị GSHT, các đơn vị lắp đặt GSHT cử nhân viên kỹ thuật khẩn trương kiểm tra, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị kịp thời cho ngư dân, đồng thời xác định làm rõ nguyên nhân mất kết nối thiết bị GSHT để phối hợp với các lực lượng chức năng làm căn cứ xử lý vi phạm.

Yêu cầu UBND các xã, thị trấn; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan tập trung triển khai thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Văn Kỳ**

**Phụ lục I****DANH SÁCH TÀU CÁ HUYỆN HẢI HẬU CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN KTTS (tính đến ngày 14/02/2025)***(Kèm theo Công văn số /UBND-NN ngày tháng 02 năm 2025 của UBND huyện)*

| STT | Số đăng ký (NĐ-...-TS) | Tên chủ tàu                                     | Xã       | Chiều dài (m) | Nghề     | Vật liệu vỏ tàu | Tàu chưa GP KTTS | Tàu chưa lắp GSHT | Tàu hết hạn ATKT | Tàu hết hạn ATTP | Tàu 3 không không đăng ký | Vị trí neo đậu | Đã có hình ảnh tàu và vị trí neo đậu (đánh dấu x) | Tình trạng tàu <sup>(1)</sup> | Không có ngư lưới cụ trên tàu (đánh dấu x) | Cán bộ quản lý tàu (họ tên, SĐT) |
|-----|------------------------|-------------------------------------------------|----------|---------------|----------|-----------------|------------------|-------------------|------------------|------------------|---------------------------|----------------|---------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------|
| 1.  | 92252                  | Nguyễn Văn Bằng                                 | Hải An   | 16,50         | Lưới kéo | Gỗ              |                  |                   | x                |                  |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 2.  | 91832                  | Nguyễn Văn Hợp                                  | Hải Tây  | 14,00         | Lưới kéo | Gỗ              |                  |                   | x                |                  |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 3.  | 6355                   | Ngô Văn Bá                                      | Hải Đông | 7,50          | Lưới rê  | Composite       | x                |                   |                  |                  |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 4.  | 6368                   | Nguyễn Văn Hào                                  | Hải Đông | 7,50          | Lưới rê  | Composite       | x                |                   |                  |                  |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 5.  | 6356                   | Nguyễn Văn Tịnh                                 | Hải Đông | 7,50          | Lưới rê  | Composite       | x                |                   |                  |                  |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 6.  | 95866                  | Nguyễn Văn Tụng                                 | Hải Đông | 27,50         | Lưới rê  | Thép            | x                | x                 | x                | x                |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 7.  | 92529                  | Nguyễn Văn Cường                                | Hải Hòa  | 15,10         | Lưới kéo | Gỗ              |                  |                   | x                |                  |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 8.  | 95559                  | Doanh nghiệp tư nhân DVHC nghề cá Lê Quang Dũng | Hải Hòa  | 46,00         | DVHC     | Thép            | x                | x                 | x                | x                |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 9.  | 92228                  | Phạm Văn Nam                                    | Hải Hòa  | 14,30         | Lồng bẫy | Gỗ              |                  |                   | x                |                  |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 10. | 92388                  | Ngô Công Biền                                   | TT. Cồn  | 21,12         | Lưới rê  | Thép            |                  |                   | x                |                  |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 11. | 92225                  | Nguyễn Văn Dương                                | TT. Cồn  | 21,00         | Lưới rê  | Gỗ              |                  |                   |                  | x                |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 12. | 95899                  | Nguyễn Văn Thành                                | TT. Cồn  | 29,50         | Lưới rê  | Thép            | x                |                   | x                | x                |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 13. | 92578                  | Phạm Văn Tu                                     | TT. Cồn  | 20,80         | Lưới rê  | Gỗ              |                  |                   | x                |                  |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 14. | 92366                  | Cao Thanh Tùng                                  | TT. Cồn  | 21,42         | Lưới rê  | Gỗ              |                  |                   |                  | x                |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 15. | 93254                  | Phạm Văn Du                                     | TT. Cồn  | 16,00         | Lưới rê  | Gỗ              | x                |                   | x                | x                |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 16. | 6203                   | Nguyễn Văn Thừa                                 | TT. Cồn  | 7,50          | Lưới rê  | Composite       | x                |                   |                  |                  |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |

<sup>(1)</sup> Tình trạng tàu: Chưa hoạt động, tạm dừng hoạt động, không còn khả năng hoạt động

| STT | Số đăng ký (NĐ-...-TS) | Tên chủ tàu                                        | Xã       | Chiều dài (m) | Nghề                    | Vật liệu vỏ tàu | Tàu chưa GP KTTS | Tàu chưa lắp GSHT | Tàu hết hạn ATKTKT | Tàu hết hạn ATTP | Tàu 3 không không đăng ký | Vị trí neo đậu | Đã có hình ảnh tàu và vị trí neo đậu (đánh dấu x) | Tình trạng tàu <sup>(1)</sup> | Không có ngư lưới cụ trên tàu (đánh dấu x) | Cán bộ quản lý tàu (họ tên, SĐT) |
|-----|------------------------|----------------------------------------------------|----------|---------------|-------------------------|-----------------|------------------|-------------------|--------------------|------------------|---------------------------|----------------|---------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------|
| 17. | 92648                  | Nguyễn Văn Đức                                     | TT. Cồn  | 21,00         | Lưới rê                 | Gỗ              |                  |                   | x                  |                  |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 18. | 92188                  | HTX DV làng nghề TS Minh Hải (Trần Văn An)         | Hải Xuân | 15,35         | Lưới rê                 | Gỗ              | x                | x                 |                    | x                |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 19. | 92896                  | HTX DV làng nghề TS Minh Hải (Nguyễn Trường Quang) | Hải Xuân | 17,50         | Lưới rê                 | Gỗ              |                  |                   | x                  |                  |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 20. | 92162                  | Vũ Văn Đức                                         | Hải Xuân | 24,70         | Lưới rê (Rê bùng nhùng) | Gỗ              |                  |                   | x                  |                  |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 21. | 92219                  | Nguyễn Văn Khánh                                   | Hải Xuân | 22,45         | Lưới vây (kiềm Lưới rê) | Gỗ              |                  |                   |                    | x                |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 22. | 92666                  | Nguyễn Văn Khương                                  | Hải Xuân | 20,00         | Lưới rê                 | Gỗ              |                  |                   | x                  |                  |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 23. | 99687                  | Vũ Văn Phú                                         | Hải Xuân | 19,00         | Lưới rê                 | Gỗ              |                  |                   | x                  |                  |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 24. | 2869                   | Nguyễn Quyết                                       | Hải Xuân | 13,00         | Lồng bẫy (kiềm Lưới rê) | Gỗ              |                  |                   | x                  |                  |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 25. | 92805                  | Vũ Văn Tam                                         | Hải Xuân | 16,30         | Lưới rê                 | Gỗ              | x                |                   | x                  | x                |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 26. | 92536                  | Bùi Văn Thành                                      | Hải Xuân | 16,80         | Lưới rê                 | Gỗ              |                  |                   | x                  |                  |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 27. | 92797                  | Phạm Thanh Hòa                                     | Hải Xuân | 18,30         | Lưới rê                 | Gỗ              |                  |                   | x                  |                  |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 28. | 92275                  | Vũ Văn Hưng                                        | Hải Xuân | 15,80         | Lồng bẫy                | Gỗ              | x                |                   |                    | x                |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 29. | 92977                  | Cao Văn Khoa                                       | Hải Xuân | 21,60         | Lưới rê                 | Gỗ              |                  |                   |                    | x                |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 30. | 92523                  | Mai Văn Quang                                      | Hải Xuân | 16,20         | Lưới rê                 | Gỗ              | x                |                   |                    | x                |                           |                |                                                   |                               |                                            |                                  |

| STT | Số đăng ký<br>(NĐ-...-TS) | Tên chủ tàu  | Xã             | Chiều dài<br>(m) | Nghề                | Vật liệu<br>vỏ tàu | Tàu chưa GP<br>KTTS | Tàu chưa lắp<br>GSHT | Tàu hết hạn<br>ATKT | Tàu hết hạn<br>ATTP | Tàu 3 không<br>không đăng ký | Vị trí neo<br>đậu | Đã có hình ảnh tàu và vị trí neo đậu (đánh dấu x) | Tình trạng tàu <sup>(1)</sup> | Không có ngư lưới cụ trên tàu (đánh dấu x) | Cán bộ quản lý tàu (họ tên, SĐT) |
|-----|---------------------------|--------------|----------------|------------------|---------------------|--------------------|---------------------|----------------------|---------------------|---------------------|------------------------------|-------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------|
| 31. | 92517                     | Bùi Văn Thái | Hải Xuân       | 22,80            | Lưới vây (kiềm Câu) | Gỗ                 | x                   | x                    |                     | x                   |                              |                   |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 32. | 92512                     | Vũ Văn Tuấn  | TT. Thịnh Long | 23,10            | Lưới vây (kiềm Câu) | Gỗ                 | x                   |                      |                     |                     |                              |                   |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 33. | 92513                     | Vũ Văn Tuấn  | TT. Thịnh Long | 24,80            | Lưới vây (kiềm Câu) | Gỗ                 | x                   |                      |                     |                     |                              |                   |                                                   |                               |                                            |                                  |
| 34. | 92286                     | Ngô Văn Bình | TT. Thịnh Long | 14,50            | Lưới rê             | Gỗ                 | x                   |                      | x                   |                     |                              |                   |                                                   |                               |                                            |                                  |

**Phụ lục II**  
**DANH SÁCH TÀU CÁ HUYỆN HẢI HẬU MẤT TÍN HIỆU GSHT TRONG BỜ TỪ 03 THÁNG TRỞ LÊN**  
**VÀ TRÊN BIỂN TỪ 10 NGÀY TRỞ LÊN (Tính đến ngày 14/02/2025)**  
*(Kèm theo Công văn số        /UBND-NN ngày        tháng 02 năm 2025 của UBND huyện)*

| STT | Số đăng ký (NĐ-...-TS) | Tên chủ tàu      | Xã       | Chiều dài (m) | Nghề    | Thời gian mất tín hiệu | Tổng thời gian mất kết nối | MKN trên biển | MKN trong bờ | Vị trí neo đậu | Đã có hình ảnh tàu và vị trí neo đậu | Tình trạng tàu | Không có ngư lưới cụ trên tàu (dấu x) | Tình trạng thiết bị GSHT <sup>(2)</sup> | Cán bộ quản lý tàu (họ tên, SĐT) |
|-----|------------------------|------------------|----------|---------------|---------|------------------------|----------------------------|---------------|--------------|----------------|--------------------------------------|----------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------|
| 1   | 92105                  | Vũ Văn Chiêu     | Hải Đông | 15,90         | Lưới rê | 10/10/2024 23:45       | Trên 03 tháng              |               | x            |                |                                      |                |                                       |                                         |                                  |
| 2   | 92817                  | Nguyễn Văn Huân  | Hải Tây  | 16,50         | Lưới rê | 01/07/2024 07:09       | Trên 06 tháng              |               | x            |                |                                      |                |                                       |                                         |                                  |
| 3   | 92588                  | Kim Ngọc Tề      | TT. Cồn  | 22,00         | Lưới rê | 12/06/2024 11:59       | Trên 06 tháng              |               | x            |                |                                      |                |                                       |                                         |                                  |
| 4   | 95899                  | Nguyễn Văn Thành | TT. Cồn  | 29,50         | Lưới rê | 30/07/2023 12:02       | Trên 01 năm                |               | x            |                |                                      |                |                                       |                                         |                                  |
| 5   | 93254                  | Phạm Văn Du      | TT. Cồn  | 16,00         | Lưới rê | 02/11/2023 01:24       | Trên 01 năm                |               | x            |                |                                      |                |                                       |                                         |                                  |
| 6   | 92779                  | Nguyễn Văn Long  | TT. Cồn  | 18,70         | Lưới rê | 18/12/2024 02:56       | Trên 10 ngày               | x             |              |                |                                      |                |                                       |                                         |                                  |
| 7   | 92398                  | Bùi Văn Chiến    | Hải Xuân | 18,60         | Lưới rê | 11/11/2024 10:29       | Trên 03 tháng              |               | x            |                |                                      |                |                                       |                                         |                                  |

<sup>2</sup> Tình trạng thiết bị GSGT: Còn trên tàu không, còn hoạt động không, còn kẹp chì không...

| STT | Số đăng ký<br>(NĐ-...-TS) | Tên chủ tàu                                        | Xã       | Chiều dài<br>(m) | Nghề     | Thời gian mất tín hiệu | Tổng thời gian mất kết nối | MKN trên biển | MKN trong bờ | Vị trí neo đậu | Đã có hình ảnh tàu và vị trí neo đậu | Tình trạng tàu | Không có ngư lưới cụ trên tàu<br>(dấu x) | Tình trạng thiết bị GSHT <sup>(2)</sup> | Cán bộ quản lý tàu<br>(họ tên, SĐT) |
|-----|---------------------------|----------------------------------------------------|----------|------------------|----------|------------------------|----------------------------|---------------|--------------|----------------|--------------------------------------|----------------|------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------|
| 8   | 92887                     | Đặng Văn Cương                                     | Hải Xuân | 18,00            | Lưới rê  | 04/09/2024<br>18:44    | Trên 06 tháng              |               | x            |                |                                      |                |                                          |                                         |                                     |
| 9   | 92896                     | HTX DV làng nghề TS Minh Hải (Nguyễn Trường Quang) | Hải Xuân | 17,50            | Lưới rê  | 13/09/2024<br>08:30    | Trên 06 tháng              |               | x            |                |                                      |                |                                          |                                         |                                     |
| 10  | 92805                     | Vũ Văn Tam                                         | Hải Xuân | 16,30            | Lưới rê  | 04/04/2023<br>14:32    | Trên 01 năm                |               | x            |                |                                      |                |                                          |                                         |                                     |
| 11  | 92275                     | Vũ Văn Hưng                                        | Hải Xuân | 15,80            | Lồng bẫy | 11/06/2023<br>00:17    | Trên 01 năm                |               | x            |                |                                      |                |                                          |                                         |                                     |
| 12  | 92523                     | Mai Văn Quang                                      | Hải Xuân | 16,20            | Lưới rê  | 21/05/2023<br>01:47    | Trên 01 năm                |               | x            |                |                                      |                |                                          |                                         |                                     |

**Phụ lục III****DANH SÁCH TÀU CÁ CÓ CHIỀU DÀI LỚN NHẤT DƯỚI 06M VÀ PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC VEN BỜ KHÁC***(Kèm theo Công văn số            /UBND-NN ngày    tháng 02 năm 2025 của UBND huyện)*

| TT            | Họ và tên  | Địa chỉ |             | Loại phương tiện | Nghề     | Vật liệu vỏ | Vùng hoạt động (ven biển/nội địa) | Số CCCD | Số điện thoại | Ghi chú |
|---------------|------------|---------|-------------|------------------|----------|-------------|-----------------------------------|---------|---------------|---------|
|               |            | Xóm/TDP | Xã/thị trấn |                  |          |             |                                   |         |               |         |
|               |            |         |             |                  |          |             |                                   |         |               |         |
| <i>Ví dụ:</i> |            |         |             |                  |          |             |                                   |         |               |         |
| 1             | Trần Văn A |         |             | Tàu cá <6m       | Lưới rê  | Composite   | Ven biển                          | 0360... |               |         |
| 2             | Trần Văn B |         |             | Bè mảng          | Lưới kéo | Luồng       | Ven biển                          | 0360... |               |         |
| 3             | Trần Văn C |         |             | Thúng            | Lưới rê  | Composite   | Ven biển                          | 0360... |               |         |

**NGƯỜI LẬP BIỂU****TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**